

Số: 26/2023/QĐST-HNGĐ

Hạ Long, ngày 16 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG – TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Công H; sinh năm 1983

- Chị Trịnh Thị T; Sinh năm 1986

Cùng trú tại: tổ 7, khu 3, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công H và chị Trịnh Thị T kết hôn vào ngày 16/03/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, hai bên không còn thương yêu quý trọng, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống. Mâu thuẫn đã được hai bên hòa giải nói chuyện để đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh H và chị T xác nhận không ai còn quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bỏn phận người ấy, tình cảm không thể hàn gắn và không đoàn tụ được với nhau, do vậy anh Lê Công H và chị Trịnh Thị T đều thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

[2] Về con chung: Anh Lê Công H và chị Trịnh Thị T xác nhận: Trong quá trình chung sống anh H và chị T có 01 người con chung là: cháu Lê Trịnh Minh A, sinh ngày 17/11/2013. Khi ly hôn, anh H và chị T thỏa thuận thống nhất: Giao con chung là cháu Lê Trịnh Minh A cho anh Lê Công H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Lê Trịnh Minh A thành

niên (đủ 18 tuổi). Chị Trịnh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Trịnh Minh A với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi có Quyết định của Tòa án đến khi cháu Lê Trịnh Minh A thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Trịnh Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Lê Công H và chị Trịnh Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Công H và chị Trịnh Thị T thỏa thuận thống nhất: chị T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Công H và chị Trịnh Thị T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Trịnh Minh A, sinh ngày 17/11/2013 cho anh Lê Công H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Lê Trịnh Minh A thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Trịnh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Trịnh Minh A với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi cháu Lê Trịnh Minh A thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Trịnh Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Lê Công H và chị Trịnh Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Chị Trịnh Thị T chịu lệ phí giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự mà chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001344 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị Trịnh Thị T đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hạ Long;
- Chi cục THADS TP. Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Xuân Phong, huyện
Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng